

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 20 tháng 5 năm 2020

Số: 273/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987;

Thường trú: xã L, thành phố B, tỉnh T.

Chỗ ở: Số 725/51, đường C, phường T, quận K, Thành phố H.

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984;

Thường trú: xã L, thành phố B, tỉnh T.

Chỗ ở: Số 725/51, đường C, phường T, quận K, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện sống chung từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 042, quyển số 01-2010, ngày 26/4/2010 do UBND xã L, thành phố B, tỉnh T cấp.

Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, giữa hai bên thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn dù hai bên đã nhiều lần tự hòa giải. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông H và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông H và bà T xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông H và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 042, quyển số 01-2010, ngày 26/4/2010 do UBND xã L, thành phố B, tỉnh T cấp cho ông H và bà T không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Ông H và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông H và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông H và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng ông H và bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0020586 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã L, TP B, tỉnh T;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)